

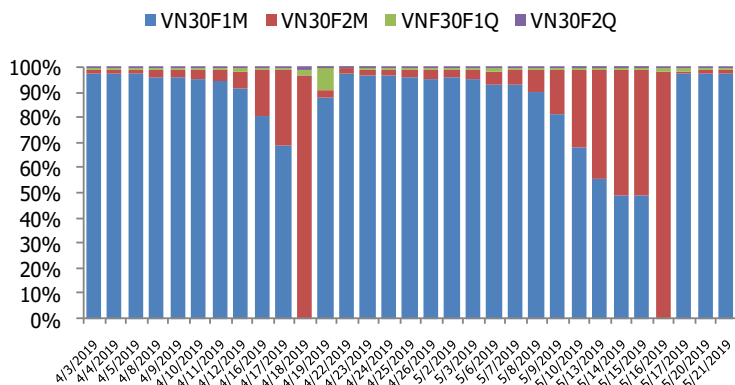
## BIỂU ĐỒ VN30 TRONG NGÀY



## THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ               | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | +/- FV       |
|------------------|--------------|---------|----------|--------------|
| <b>VN30F1906</b> | 20/06/2019   | 30      | 910.6    | <b>-4.91</b> |
| <b>VN30F1907</b> | 18/07/2019   | 58      | 910.9    | <b>-1.16</b> |
| <b>VN30F1909</b> | 19/09/2019   | 121     | 912.0    | <b>6.94</b>  |
| <b>VN30F1912</b> | 19/12/2019   | 212     | 909.0    | <b>23.39</b> |

## TỶ TRỌNG VỊ THẾ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Sau nhiều phiên tăng điểm liên tiếp, thị trường đã hạ nhiệt. Đóng cửa phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 0,84 điểm (-0,09%) xuống 986,29 điểm; HNX-Index giảm 0,03% xuống 106,28 điểm. Về diễn biến thị trường, các cổ phiếu họ đầu khí sau nhiều phiên tăng giá liên tiếp đều điều chỉnh, nhưng mức độ không quá mạnh. Tương tự, nhóm khu công nghiệp cũng điều chỉnh, ngoại trừ NTC vẫn giữ được sắc xanh. Tuy nhiên, nhiều Bluechips giao dịch khá tốt như BVH, FPT, HPG, MSN, BHN, SAB, VJC, VPB, BID...góp phần ổn định tâm lý giới đầu tư. Giá trị khớp lệnh 3 sàn sụt giảm nhẹ đạt 3.500 tỷ đồng. Khối ngoại mua ròng gần 5.800 tỷ đồng, nhưng nếu loại đi giao dịch thỏa thuận VIC thì thực chất vẫn là phiên bán ròng hơn 240 tỷ đồng.
- Biên độ dao động lớn đã mang lại nhiều cơ hội trading cho giới đầu tư. Chiến lược vẫn là Long trong các nhịp chỉnh và Short khi chỉ số tiệm cận vùng cản mạnh. Kết thúc phiên giao dịch, cả 4 HĐTL đều tăng nới rộng basis lên 9 đến gần 11 điểm cho thấy tâm lý giới đầu tư vẫn khá lạc quan vào xu hướng chung của thị trường. Tuy nhiên, thị trường đang xuất hiện những tín hiệu điều chỉnh ngắn hạn. Phiên này khối lượng giao dịch tiếp tục ở mức cao trong khi chỉ số lại đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên là điều cần lưu ý và thận trọng, bên cạnh đó là việc khối ngoại bán ròng mạnh trở lại.
- Về mặt kỹ thuật, VN30-Index tăng điểm phiên thứ hai liên tiếp, tuy nhiên đồ thị xuất hiện thân nến với bóng mờ dài cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang thận trọng trở lại khi chỉ số đang test lại ngưỡng cản mạnh là đỉnh cũ tháng 04/2019 và ngưỡng Fib 61.8% (tương đương vùng 903-907 điểm). Nếu vượt qua được ngưỡng này kèm thanh khoản cải thiện thì đà tăng sẽ càng được củng cố. Ở chiều ngược lại, vùng hỗ trợ mạnh đối với chỉ số tại 888-890 điểm.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

### Chiến lược giao dịch trong ngày

Thị trường bắt đầu xuất hiện tín hiệu điều chỉnh. Vì vậy, chiến lược canh Short tại các ngưỡng kháng cự và Long khi chỉ số điều chỉnh về vùng hỗ trợ sẽ phù hợp trong phiên tới. Các ngưỡng hỗ trợ đối trong phiên với VN30F1M tại 906-903-900 điểm, trong khi các ngưỡng kháng cự tại 911-914-918 điểm.

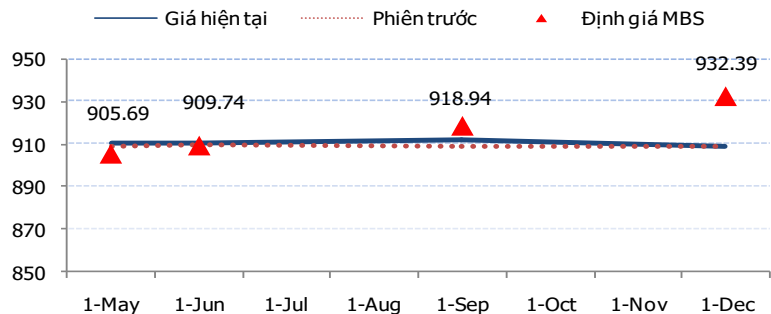
### Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Tiếp tục nắm giữ vị thế Long hợp đồng VN30F1906, vùng chốt lời kỳ vọng 910-920 điểm, Stoploss nếu thủng 900 điểm.

### Chiến lược giao dịch Spread

Hạn chế giao dịch chênh lệch giá hợp đồng tương lai trong bối cảnh các hợp đồng diễn biến đồng pha, bám sát nhau.

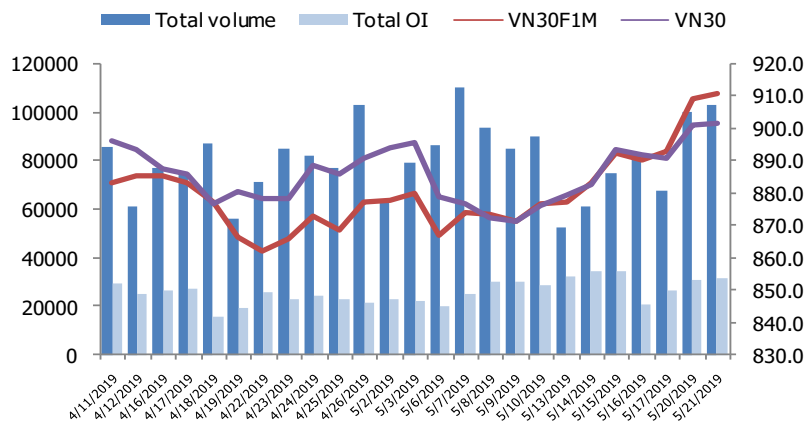
## ĐƯỜNG CONG GIÁ HỢTL CÁC KỲ HẠN



## DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HỢTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng    | Chỉ số | %+/-<br>Chỉ số | KLGD           | %+/-<br>KLGD | Vị thế mở<br>cuối ngày | %+/-<br>OI  |
|-------------|--------|----------------|----------------|--------------|------------------------|-------------|
| VN30F1906   | 910.6  | 0.19           | 102,021        | 0.03         | 30826                  | 0.04        |
| VN30F1907   | 910.9  | 0.15           | 538            | - 0.24       | 503                    | 0.11        |
| VN30F1909   | 912.0  | 0.33           | 89             | - 0.36       | 391                    | 0.00        |
| VN30F1912   | 909.0  | 0.01           | 52             | - 0.64       | 162                    | 0.01        |
| <b>Tổng</b> |        |                | <b>102,700</b> | <b>0.03</b>  | <b>31,882</b>          | <b>0.04</b> |

## DIỄN BIẾN THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



## NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HỢTL

- Chỉ số các HỢTL tiếp tục tăng trong phiên giao dịch thứ hai của tuần này. Đóng cửa, hợp đồng tháng 6 tăng 0,19% lên 910,6 điểm, hiện cao hơn cơ sở 9,24 điểm. Các hợp đồng còn lại lần lượt đạt 910,9 điểm (+0,15%), 912,0 điểm (+0,33%) và 909,0 điểm (+0,01%). Theo đó basis các hợp đồng này đạt 9,54 điểm, 10,64 điểm và 7,64 điểm.
- Thanh khoản phiên hôm nay tăng cao hơn 3% so với phiên liền trước đạt 102.700 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó KLGD của hợp đồng tháng 6 đạt 102.021 hợp đồng chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối. Giá trị giao dịch đạt 9.351,7 tỷ đồng cao hơn phiên trước 4%.
- Giá tham chiếu MBS tính toán cho phiên giao dịch tới của hợp đồng VN30F1906 là 905,69 điểm (thấp hơn giá hiện tại 4,91 điểm). Tương tự, giá tham chiếu của hợp đồng VN30F1907 là 909,74 điểm (-1,16 điểm), VN30F1909 là 918,94 điểm (+6,94 điểm) và VN30F1912 là 932,39 điểm (23,39 điểm).

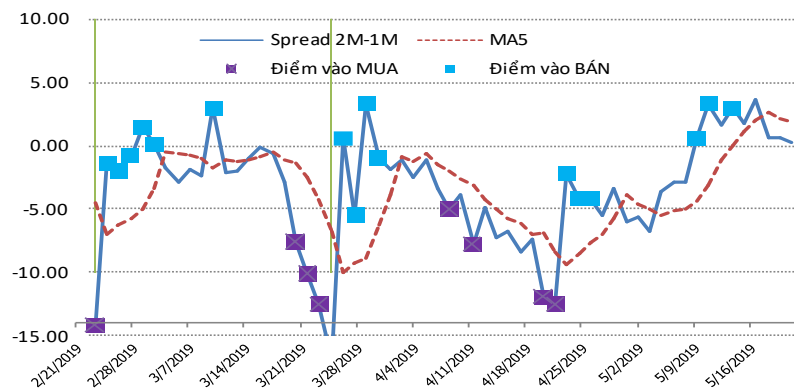
## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



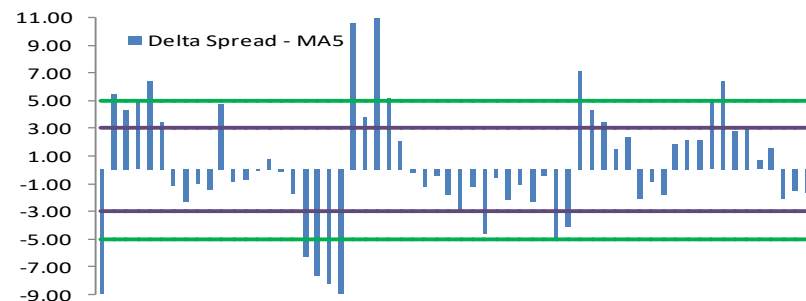
## DIỄN BIẾN SPREAD HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| Spread HĐTL       | Giá hiện tại | Giá phiên trước | Tăng/giảm | MA5   | Delta Spread-MA5 |
|-------------------|--------------|-----------------|-----------|-------|------------------|
| VN30F2M - VN30F1M | 0.30         | 0.60            | -0.30     | 1.94  | -1.64            |
| VN30F1Q - VN30F1M | 1.40         | 0.10            | 1.30      | 0.90  | 0.50             |
| VN30F1Q - VN30F2M | 1.10         | -0.50           | 1.60      | -1.04 | 2.14             |
| VN30F2Q - VN30F1M | -1.60        | 0.00            | -1.60     | 1.92  | -3.52            |
| VN30F2Q - VN30F2M | -1.90        | -0.60           | -1.30     | -0.02 | -1.88            |
| VN30F2Q - VN30F1Q | -3.00        | -0.10           | -2.90     | 1.02  | -4.02            |

## DIỄN BIẾN SPREAD (VN30F2M - VN30F21M)



## CHÊNH LỆCH SPREAD (VN30F2M-VN30F1M) VÀ MA5



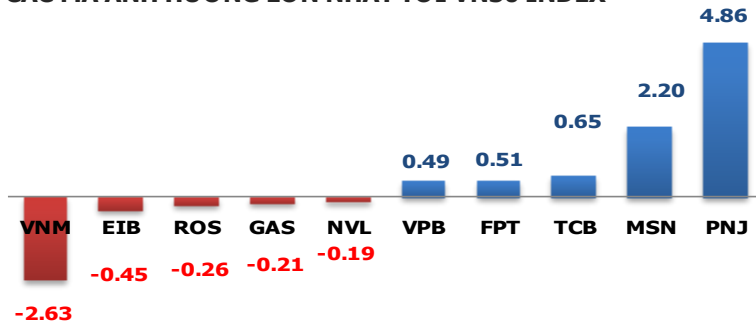
## NHẬN ĐỊNH SPREAD HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

- Sau phiên tăng điểm mạnh mẽ hôm trước, thị trường giao dịch HĐTL đã phải chật vật trong việc duy trì đà tăng trước áp lực chốt lời dâng cao vào nửa cuối phiên giao dịch ngày hôm nay. Dù vậy, cả 4 hợp đồng vẫn đóng cửa trong sắc xanh nhẹ, với mức tăng từ 0,1 đến 3 điểm. Tuy nhiên, cũng tương tự với phiên giao dịch liền trước, những diễn biến đồng pha bám sát nhau của các hợp đồng khiến chênh lệch giá giữa các hợp đồng không có nhiều thay đổi đáng kể. Cụ thể, đóng cửa phiên giao dịch, chênh lệch giá của hai hợp đồng (VN30F1907-VNF1906) tiếp tục duy trì ở mức thấp 0,3 điểm. Trong khi đó, chênh lệch giá cặp hợp đồng (VN30F1909-VNF1907) là 1,1 điểm, riêng chênh lệch của cặp hợp đồng (VN30F1912-VN30F1909) nổi dài đà giảm xuống mức -3 điểm.
- Mặc dù chênh lệch giá giữa các hợp đồng so với chỉ số cơ sở VN30 tiếp tục được nới rộng lên +10 điểm, cho thấy kỳ vọng thị trường cơ sở hồi phục trong ngắn hạn, nhưng chênh lệch giá các hợp đồng vẫn duy trì những diễn biến đi ngang và chưa hình thành xu hướng, nhà đầu tư nên hạn chế giao dịch chênh lệch giá trong thời điểm này, và chờ đợi những tín hiệu mua bán spread rõ ràng hơn.

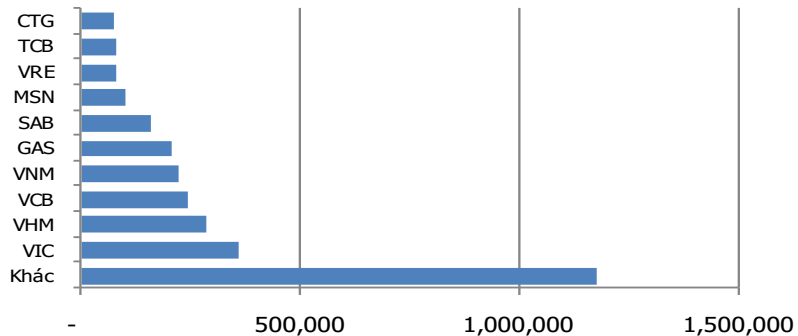
## DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



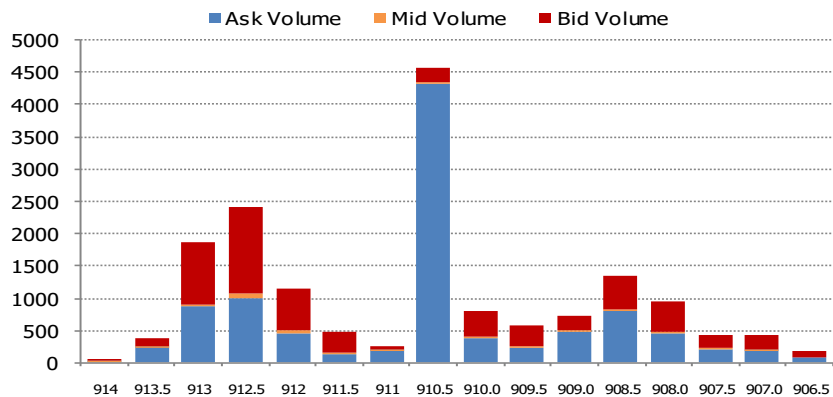
## CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30 INDEX



## TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30 (update tại 09/5/2019)



## DIỄN BIẾN THANH KHOẢN HĐTL



## NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nổi tiếp đà hưng phấn trong phiên giao dịch hôm qua, thị trường tiếp tục duy trì đà tăng ngay từ những phút mở cửa. Dẫn dắt đà tăng là một số Bluechips như FPT, HPG, MSN, VIC, BHN, SAB, MWG, VHM, VIC...cũng nhóm ngân hàng CTG, MBB, VCB, VPB, TCB... Trong khi đó, nhóm đầu khí sau giai đoạn tăng nóng gần đây đã "hạ nhiệt" và các cổ phiếu đang dao động quanh mốc tham chiếu. Tuy nhiên, thị trường trong phiên chiều đi theo chiều hướng khá xấu, nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn đồng loạt giảm giá trở lại và gây áp lực rất lớn lên thị trường chung. Trong đó, VNM là cổ phiếu tạo áp lực lớn nhất khi giảm 2,9% xuống 133.500 đồng/cp. Bên cạnh đó, các cổ phiếu như ROS, GAS, CTD, VRE, VCB...đều chìm trong sắc đỏ.
- Chốt phiên, chỉ số VN30 chỉ còn tăng 0,3 điểm (+0,03%) lên 901,36 điểm. Hệ số tăng/giảm ghi nhận có 12 mã tăng/17 mã giảm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 43 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 1.623 tỷ đồng.
- Khối ngoại có phiên mua ròng đột biến 5.800 tỷ đồng. Tuy vậy, nếu trừ đi giao dịch thỏa thuận VIC (bên mua nhiều khả năng là SK Group) thì thực chất khối ngoại vẫn bán ròng hơn 240 tỷ trong phiên hôm nay. Trong đó, các mã cổ phiếu bị bán ròng nhiều như VNM (77,67 tỷ đồng), NBB (29,30 tỷ đồng), VHM (21,97 tỷ đồng), HPG (18,44 tỷ đồng), HBC (17,28 tỷ đồng).

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

| Chỉ số     | Điểm số   | Tăng giảm (%) | P/E   | YTD   |
|------------|-----------|---------------|-------|-------|
| VN-index   | 986.29    | 0.02          | 16.40 | 6.10  |
| Dow Jones  | 25,877.33 | 0.77          | 16.46 | 10.72 |
| S&P 500    | 2,864.36  | 0.85          | 18.78 | 14.52 |
| Nikkei 225 | 21,301.00 | 0.13          | 16.10 | 7.40  |
| Shanghai   | 2,895.50  | - 0.36        | 13.79 | 14.32 |
| DAX        | 12,146.11 | 0.87          | 15.98 | 13.40 |
| Vàng       | 1,274.05  | 0.16          | -     | 0.20  |
| Dầu WTI    | 62.69     | - 0.70        | -     | 37.37 |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI

|                                       | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|---------------------------------------|----------|--------|---------|
| Thứ Tư – 22/05/2019                   |          |        |         |
| [UK] CPI T.4                          |          |        |         |
| [UK] PPI Input T.4                    |          |        |         |
| [CAD] Tăng trưởng doanh số bán lẻ T.3 |          |        |         |
| [US] Họp FOMC                         |          |        |         |

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Sau tin tức Mỹ tạm hoãn lệnh cấm lên gã khổng lồ công nghệ Trung Quốc Huawei được tung ra, phố Wall ngay lập tức tăng điểm tích cực với các chỉ số chính đồng thuận đi lên 0,77%-1,08% so với tham chiếu. Chỉ số Dow Jones lấy lại hơn 197 điểm còn S&P 500 hồi 0,9% tại cuối ngày nhờ sức kéo từ nhóm cổ phiếu công nghệ (+1,2%). Lợi tức trái phiếu kho bạc các kỳ hạn tiếp tục nổi dài đà tăng, chốt phiên hôm qua lợi tức kỳ hạn 10 năm và 30 năm lần lượt đạt 2,43% và 2,845% duy trì khoảng cách an toàn. Chỉ số giá dollar tăng 0,14% chạm ngưỡng cao nhất 4 tuần tại mức 98,07 trong bối cảnh các chỉ số kinh tế vĩ mô Mỹ công bố gần đây đều cho thấy sự ổn định.
- Nổi gót phố Wall, châu Á mở cửa sáng nay trong sắc xanh tích cực. Yên Nhật hạ giá xuống 110,54 USD/JPY từ mức 110,0 USD/JPY phiên trước trong khi dollar Úc ngược chiều đi lên, hiện đang được giao dịch quanh mức giá 0,6881 AUD/USD.
- Giá dầu xê dịch nhẹ, hiện futures dầu WTI giảm 11 cents xấp xỉ 63 USD/thùng và futures dầu Brent hạ 6 cents nhưng vẫn giữ trên 72 USD/thùng. Cùng chiều, vàng lùi về thấp nhất hai tuần với mức giá 1.272,55 USD/ounce.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG RỔ VN30

- MSN tăng phiên thứ hai liên tiếp và là cổ phiếu tác động tích cực tới trạng thái tăng điểm của chỉ số VN30. Phiên tăng giá hôm nay cùng xu hướng tăng trung hạn của cổ phiếu, đường giá nằm trên các đường MA ngắn và trung hạn. Ngắn hạn, ngưỡng hỗ trợ mạnh của cổ phiếu quanh 86.000-88.000 đồng/cp, ngưỡng kháng cự là vùng 95.000-96.000 đồng/cp.



## DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành                             | Tỷ trọng (%) | Giá     | +/- % | H-L   | GTGD   | Điểm tác động | P/E    | P/B   |
|----------|-----------------------------------|--------------|---------|-------|-------|--------|---------------|--------|-------|
| VNM      | Food Producers                    | 9.74         | 133,500 | -0.03 | 2.62% | 103.14 | -2.63         | 23.21  | 8.45  |
| TCB      | Banks                             | 8.68         | 24,050  | 0.01  | 1.89% | 77.57  | 0.65          | 9.80   | 1.55  |
| VIC      | Real Estate Investment & Services | 7.49         | 117,500 | 0.00  | 2.06% | 83.28  | 0.00          | 111.75 | 6.82  |
| MSN      | Financial Services                | 6.74         | 91,300  | 0.04  | 4.09% | 88.58  | 2.20          | 19.62  | 3.39  |
| HPG      | General Industrials               | 6.66         | 32,900  | 0.00  | 1.22% | 70.81  | 0.18          | 8.53   | 1.66  |
| VPB      | Banks                             | 5.19         | 19,000  | 0.01  | 1.33% | 34.68  | 0.49          | 6.92   | 1.28  |
| VJC      | Travel & Leisure                  | 5.11         | 118,800 | 0.00  | 0.42% | 72.82  | 0.19          | 12.06  | 4.13  |
| VHM      | Real Estate Investment & Services | 4.83         | 86,700  | 0.00  | 1.61% | 92.28  | -0.05         | 22.59  | 6.35  |
| MBB      | Banks                             | 4.29         | 21,300  | 0.01  | 1.18% | 50.33  | 0.27          | 6.98   | 1.29  |
| MWG      | Technology Hardware & Equipment   | 4.03         | 88,200  | 0.00  | 1.37% | 83.72  | -0.04         | 12.31  | 3.91  |
| SAB      | Beverages                         | 2.95         | 263,700 | 0.00  | 1.42% | 4.67   | 0.07          | 39.39  | 10.44 |
| VCB      | Banks                             | 3.19         | 67,700  | 0.00  | 1.03% | 32.16  | -0.04         | 15.51  | 3.45  |
| STB      | Banks                             | 3.28         | 12,050  | 0.01  | 2.09% | 66.00  | 0.25          | 9.63   | 0.85  |
| HDB      | Banks                             | 2.95         | 27,100  | 0.00  | 1.49% | 42.03  | -0.05         | 9.24   | 1.62  |
| FPT      | Fixed Line Telecommunications     | 3.95         | 45,900  | 0.01  | 1.54% | 46.57  | 0.51          | 11.19  | 2.34  |
| NVL      | Real Estate Investment & Services | 3.05         | 59,000  | -0.01 | 1.19% | 23.95  | -0.19         | 15.96  | 2.82  |
| EIB      | Banks                             | 3.05         | 18,400  | -0.02 | 1.63% | 1.33   | -0.45         | 46.29  | 1.51  |
| VRE      | General Retailers                 | 2.51         | 36,000  | 0.00  | 1.11% | 67.18  | -0.09         | 33.99  | 2.90  |
| PNJ      | General Retailers                 | 2.26         | 106,400 | -0.01 | 1.98% | 48.18  | 4.86          | 16.80  | 4.46  |
| GAS      | Oil & Gas Producers               | 1.69         | 111,500 | -0.01 | 1.71% | 44.51  | -0.21         | 17.27  | 4.90  |
| SSI      | Financial Services                | 1.26         | 26,050  | 0.00  | 1.35% | 43.89  | -0.02         | 13.73  | 1.43  |
| CTG      | Banks                             | 1.01         | 21,250  | 0.00  | 1.42% | 49.17  | -0.04         | 14.40  | 1.14  |
| GMD      | Industrial Transportation         | 1.08         | 26,900  | -0.01 | 1.49% | 11.72  | -0.11         | 11.71  | 1.35  |
| REE      | Industrial Engineering            | 0.90         | 33,350  | -0.01 | 1.20% | 14.85  | -0.05         | 5.97   | 1.14  |
| ROS      | Construction & Materials          | 0.88         | 32,450  | -0.03 | 3.12% | 315.00 | -0.26         | 102.30 | 3.23  |
| CTD      | Construction & Materials          | 0.77         | 115,700 | -0.02 | 1.91% | 13.82  | -0.11         | 6.48   | 1.09  |
| SBT      | Food Producers                    | 0.76         | 18,250  | 0.00  | 0.82% | 23.88  | -0.02         | 21.54  | 1.56  |
| CII      | Construction & Materials          | 0.65         | 23,450  | 0.01  | 1.30% | 10.09  | 0.07          | 103.04 | 1.15  |
| DPM      | Chemicals                         | 0.44         | 17,650  | 0.01  | 1.13% | 3.58   | 0.02          | 12.02  | 0.87  |
| DHG      | Pharmaceuticals & Biotechnology   | 0.60         | 115,700 | 0.01  | 2.19% | 2.91   | 0.06          | 24.23  | 4.98  |



## Giao dịch Spread Hợp đồng tương lai

### THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIAO DỊCH SPREAD HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

- Spread HĐTL:** là chênh lệch giá giữa hai HĐTL tương lai khác nhau khi thực hiện **đồng thời** MUA một (hay nhiều) hợp đồng tương lai này **và** BÁN một (hay nhiều) hợp đồng tương lai khác.
- Phân loại Spread HĐTL:**
  - ☐ Intramarket Spread (hay Calendar Spread) là Spread giữa hai hợp đồng có cùng tài sản cơ sở nhưng có tháng đáo hạn khác nhau.
  - ☐ Intermarket Spread là Spread giữa hai hợp đồng có cùng tháng đáo hạn nhưng có tài sản cơ sở khác nhau.
  - ☐ Interexchange Spread là Spread giữa hai hợp đồng trên hai sàn giao dịch khác nhau.
- Ví dụ về giao dịch Spread HĐTL:**

Mua Spread hợp đồng F2M – F1M (Mua VN30F2M và Bán VN30F1M) khi mức chênh lệch giá giữa 2 hợp đồng thấp. Khi mức chênh lệch giá giữa hai hợp đồng cao lên, thì thực hiện chốt lời (đóng vị thế) bằng cách bán spread F2M – F1M (Mua VN30F1M và Bán VN30F2M).
- Lợi thế của giao dịch Spread HĐTL:**
  - ✓ Giao dịch spread có rủi ro thấp hơn so với giao dịch trực tiếp HĐTL vì khi thực hiện đồng thời mua và bán hai hợp đồng, lỗ ở một hợp đồng sẽ một phần được bù đắp bởi lãi hợp đồng còn lại;
  - ✓ Biến động của Spread thường nhỏ hơn so với biến động giá của HĐTL;
  - ✓ Spread có tính chu kỳ và có thể xuất hiện xu hướng ngay cả khi giá các HĐTL đi ngang.
  - ✓ Giao dịch Spread không yêu cầu phải theo dõi biến động của thị trường trong suốt phiên giao dịch (không cần sử dụng dữ liệu real-time).
  - ✓ Có thể tạo ra nhiều vị thế bằng cách kết hợp các cặp hợp đồng khác nhau
- Rủi ro của giao dịch Spread HĐTL:**
  - Thanh khoản kém
  - Chi phí giao dịch cao do phải đồng thời mua và bán 2 hợp đồng để tạo một vị thế
  - Không sử dụng được lệnh điều kiện stoploss.
- Nhà đầu tư nên xây dựng chiến lược giao dịch (xác định điểm vào – điểm ra) và điều kiện cắt lỗ rõ ràng trước khi tiến hành giao dịch Spread HĐTL.**

### CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH MẪU VỚI SPREAD (VN30F2M – VN30F1M)

- Spread (VN30F2M – VN30F1M) được xây dựng bằng cách đồng thời mua và bán hai hợp đồng VN30F1M và VN30F2M với mặc định:
  - MUA/LONG Spread = Mua VN30F2M và Bán VN30F1M
  - BÁN/SHORT Spread = Bán VN30F2M và Mua VN30F1M
- Theo dõi diễn biến Spread và MA5 của Spread với **Ngưỡng tín hiệu = 3 điểm** để xác định tín hiệu mở vị thế (điểm vào của giao dịch)
  - Nếu **(Spread – MA5) < -3 điểm** ----- Mở vị thế bằng việc MUA Spread
  - Nếu **(Spread – MA5) > 3 điểm** ----- Mở vị thế bằng việc BÁN Spread
- Nếu Spread trở về gần hoặc vượt mức MA5 tại thời điểm mở vị thế (MA5 tại điểm vào), nhà đầu tư sẽ thực hiện đóng vị thế để chốt lời (điểm ra của giao dịch).
- Khoảng thời gian tối đa cho một giao dịch là 5 ngày:** Sau khi mở vị thế, nếu tới ngày thứ 5, chiến lược không sinh lời sẽ thực hiện đóng vị thế.

### BẢNG THỐNG KÊ LỊCH SỬ LÃI/ LỖ LÝ THUYẾT THEO CHIẾN LƯỢC MẪU

| Tổng số lượt giao dịch (vào và ra) – Từ 10/2017 đến 05/2018 | 69    |
|-------------------------------------------------------------|-------|
| Tổng số giao dịch MUA/LONG spread                           | 35    |
| <input type="checkbox"/> Số giao dịch lãi                   | 30    |
| <input type="checkbox"/> Số giao dịch lỗ                    | 5     |
| <input type="checkbox"/> Tỷ lệ lãi (%)                      | 85,7% |
| Tổng số giao dịch BÁN/SHORT spread                          | 34    |
| <input type="checkbox"/> Số giao dịch lãi                   | 28    |
| <input type="checkbox"/> Số giao dịch lỗ                    | 6     |
| <input type="checkbox"/> Tỷ lệ lãi (%)                      | 82,3% |

- Lưu ý:** Chiến lược giao dịch mẫu được sử dụng trong bản tin chỉ mang tính chất tham khảo, nhà đầu tư nên xây dựng chiến lược riêng dựa trên các chỉ số kỹ thuật và ngưỡng tín hiệu phù hợp với khẩu vị rủi ro của mình.

| STT | THÔNG TIN CƠ BẢN HĐTL VN30               |                       | ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM HĐTL VN30                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Mã hợp đồng                              |                       | VN30F-yy-mm                                                                                                                                                                                                                     |
| 2   | Tài sản cơ sở                            |                       | Chỉ số cổ phiếu VN30                                                                                                                                                                                                            |
| 3   | Hệ số nhân hợp đồng                      |                       | 100.000 đồng                                                                                                                                                                                                                    |
| 4   | Quy mô 01 hợp đồng                       |                       | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30                                                                                                                                                                                                 |
| 5   | Tháng đáo hạn                            |                       | - Tháng hiện tại<br>- Tháng tiếp theo<br>- Hai tháng cuối 2 quý gần nhất                                                                                                                                                        |
| 6   | Phương thức giao dịch                    |                       | - Giao dịch khớp lệnh<br>- Giao dịch thỏa thuận                                                                                                                                                                                 |
| 7   | Thời gian giao dịch                      | GD khớp lệnh định kỳ  | - ATO: 08h45 - 09h00<br>- ATC: 14h30 - 14h45                                                                                                                                                                                    |
|     |                                          | GD khớp lệnh liên tục | - Sáng: 09h00 - 11h30<br>- Chiều: 13h00 - 14h30                                                                                                                                                                                 |
|     |                                          | GD thỏa thuận         | - 08h45 - 14h45                                                                                                                                                                                                                 |
| 8   | Các loại lệnh giao dịch                  |                       | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.                                                                                                                                                                                                    |
| 9   | Nguyên tắc khớp lệnh                     |                       | Ưu tiên giá và thời gian.                                                                                                                                                                                                       |
| 10  | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh      |                       | 01 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                     |
| 11  | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh         |                       | 500 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                    |
| 12  | Đơn vị yết giá/ Bước giá                 |                       | 0,1 điểm chỉ số = $0,1 * 100.000 = 10.000$ đồng                                                                                                                                                                                 |
| 13  | Biên độ giao động                        |                       | +/- 7%                                                                                                                                                                                                                          |
| 14  | Ngày giao dịch cuối cùng                 |                       | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.                                                                                                          |
| 15  | Ngày thanh toán cuối cùng                |                       | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.                                                                                                                                                                                |
| 16  | Phương thức thanh toán                   |                       | Thanh toán bằng tiền                                                                                                                                                                                                            |
| 17  | Giá thanh toán hàng ngày                 |                       | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.                                                                                                                       |
| 18  | Giá thanh toán cuối cùng                 |                       | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.                                                                                                                                                             |
| 19  | Giá tham chiếu                           |                       | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.                                                                                                                                                |
| 20  | Mở tài khoản                             |                       | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.                                    |
| 21  | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT CK chuyên nghiệp  | 20.000 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                 |
|     |                                          | NĐT tổ chức           | 10.000 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                 |
|     |                                          | NĐT cá nhân           | 5.000 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                  |
| 22  | Mức ký quỹ ban đầu                       |                       | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23  | Mức ký quỹ duy trì                       |                       | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong tài khoản đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.                                                                                             |
| 24  | Ký quỹ bổ sung                           |                       | Nộp tài sản bổ sung để số dư tài khoản ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc chấp nhận đóng bớt vị thế trên tài khoản của nhà đầu tư để đảm bảo tiếp tục giao dịch.                                                     |
| 25  | Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ             |                       | Tỷ lệ tài sản ký quỹ đã được dùng trong các giao dịch phái sinh của nhà đầu tư tính trên giá trị tài sản ký quỹ thực có.                                                                                                        |
| 26  | Ngưỡng cảnh báo vi phạm tỷ lệ ký quỹ     | Mức độ 1              | Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ đạt ngưỡng 80%                                                                                                                                                                                     |
|     |                                          | Mức độ 2              | Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ đạt ngưỡng 90%                                                                                                                                                                                     |
|     |                                          | Mức độ 3              | Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ đạt ngưỡng 100%                                                                                                                                                                                    |
| 27  | Thoát khỏi hợp đồng đang tham gia        |                       | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.                                             |



## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

## MBS RESEARCH | BỘ PHẬN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

|                   |                          |                                                                            |
|-------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Trần Hoàng Sơn    | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | <a href="mailto:son.tranhoang@mbs.com.vn">son.tranhoang@mbs.com.vn</a>     |
| Phạm Văn Quỳnh    | Chuyên viên Nghiên cứu   | <a href="mailto:quynh.phamvan@mbs.com.vn">quynh.phamvan@mbs.com.vn</a>     |
| Nguyễn Hòa Hợp    | Chuyên viên Nghiên cứu   | <a href="mailto:hop.nguyenhoa@mbs.com.vn">hop.nguyenhoa@mbs.com.vn</a>     |
| Nguyễn Thị Hải Hà | Chuyên viên Nghiên cứu   | <a href="mailto:ha.nguyenthilai@mbs.com.vn">ha.nguyenthilai@mbs.com.vn</a> |